

Bản án số: 58/2022/DS-PT
Ngày: 25-11-2022
V/v: “Thực hiện nghĩa vụ tài
sản do người chết để lại”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH NGHỆ AN**

- *Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:*

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hoàng Ngọc Anh

Các Thẩm phán: Bà Nguyễn Thị Hải Minh

Ông Nguyễn Quang Trung

- *Thư ký phiên tòa:* Ông Nguyễn Chí Kiên - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nghệ An tham gia phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Phương Nam - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 21 tháng 11 và ngày 25 tháng 11 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự phúc thẩm thụ lý số 17/2022/TLPT-DS ngày 28 tháng 3 năm 2022 về việc “Thực hiện nghĩa vụ tài sản do người chết để lại”. Do Bản án dân sự sơ thẩm số 34/2021/DS-ST ngày 30 tháng 9 năm 2021 của Tòa án nhân dân thành phố V, tỉnh Nghệ An bị kháng cáo

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 93/2022/QĐXXPT-DS ngày 22 tháng 10 năm 2022, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ngân hàng A; địa chỉ: Thành phố B. Người đại diện theo ủy quyền: Ông Lê Tiến M. Có mặt

- *Bị đơn:*

+ Bà Phan Thị H, sinh năm 1966. Địa chỉ: Khối A, phường B, thành phố V, tỉnh Nghệ An. Có mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của bà H: Bà Phạm Thị HT.

+ Anh Hồ Trung D, sinh năm 1989. Địa chỉ: Khối A, phường B, thành phố V, tỉnh Nghệ An. Vắng mặt

+ Chị Hồ Thị KH, sinh năm 2000. Địa chỉ: Khối A, phường B, thành phố V, tỉnh Nghệ An. Có mặt

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

+ Tổng Công ty C. Người đại diện theo ủy quyền: Ông Phạm Trường Th

+ Bà Phan Thị H, sinh năm 1966 (bị đơn trong vụ án). Có mặt.

Người kháng cáo: Bà Phan Thị H.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Ý kiến của nguyên đơn Ngân hàng A:

Ngày 13/11/2014, ông Hồ Trung C ký Hợp đồng tín dụng số 01/2014/1516377/HĐ với Ngân hàng A vay 400.000.000 đồng; thời hạn vay: 60 tháng; mục đích vay: Thanh toán tiền mua ô tô phục vụ tiêu dùng. Để đảm bảo khoản vay này ông Hồ Trung C, bà Phan Thị H đã thế chấp: Quyền sử dụng đất tại phường B, thành phố V, tỉnh Nghệ An được Ủy ban nhân dân thành phố V, tỉnh Nghệ An (gọi tắt UBND thành phố V) cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (gọi tắt GCNQSDĐ) số AL 960817 ngày 26/9/2008 mang tên ông Hồ Trung C và bà Phan Thị H theo Hợp đồng thế chấp bất động sản số 01/2014/1516377/HĐBĐ ngày 10/11/2014 được công chứng tại phòng công chứng BTB, thành phố V, tỉnh Nghệ An. Tài sản thế chấp được đăng ký tại Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất thành phố V, tỉnh Nghệ An.

Quá trình thực hiện hợp đồng tín dụng, ông C mắc bệnh hiểm nghèo và chết ngày 07/02/2017 (trích lục khai tử số 22/TLKT ngày 26/04/2017 của UBND phường B, thành phố V, tỉnh Nghệ An); do gia đình ông C không hợp tác để trả nợ gốc và lãi vay theo hợp đồng tín dụng nên Ngân hàng A đã chuyển sang nợ quá hạn. Ngân hàng A đã nhiều lần trực tiếp yêu cầu bà Phan Thị H là vợ của ông C trả nợ, tuy nhiên bà H cho rằng tại thời điểm ký kết hợp đồng tín dụng ông C mua gói bảo hiểm B của Tổng công ty C nên sau khi ông C chết thì Tổng công ty C phải có trách nhiệm với khoản vay của ông C; sau khi làm việc rõ ràng với Tổng công ty C thì bà H mới thực hiện nghĩa vụ thanh toán khoản vay của ông C tại ngân hàng; đại diện Ngân hàng A đã giải thích cho bà H nhiều lần nhưng bà H vẫn không hợp tác; Ngân hàng A cho rằng nếu bà H tranh chấp với Tổng công ty C thì có quyền yêu cầu Tổng công ty C giải quyết theo quy định, Ngân hàng A không liên quan. Ông C đã chết nhưng chưa thanh toán hết khoản nợ tại Ngân hàng A nên Ngân hàng A có quyền yêu cầu những người thừa kế quyền và nghĩa vụ của ông C thực hiện nghĩa vụ do ông C để lại.

Tại thời điểm ký hợp đồng tín dụng, ông C mua gói bảo hiểm B của Tổng công ty C nên sau khi ông C chết, Tổng công ty C đã thanh toán cho khoản vay của ông C số tiền gốc là 100.000.000 đồng và tiền lãi là 2.091.543 đồng; khi ông C còn sống đã thanh toán được tiền gốc: 155.777.356 đồng, tiền lãi: 56.602.091 đồng. Tổng số tiền đã thanh toán gồm tiền gốc là: 255.777.356 đồng, tiền lãi là: 58.693.634 đồng.

Ngân hàng A khởi kiện yêu cầu bà Phan Thị H và những người thừa kế nghĩa vụ của ông C là anh Hồ Trung D, chị Hồ Thị KH có nghĩa vụ thanh toán khoản vay của ông C đến ngày 30/9/2021, gồm tiền gốc 144.222.644 đồng, nợ lãi trong hạn 92.207.743 đồng; nợ lãi quá hạn 11.028.643 đồng; tổng là 247.459.030 đồng. Trường hợp bà Phan Thị H và những người thừa kế nghĩa vụ của ông C không thực

hiện nghĩa vụ trả nợ thì yêu cầu Tòa án tuyên Ngân hàng A có quyền chủ động hoặc yêu cầu cơ quan thi hành án có thẩm quyền xử lý đối với tài sản đảm bảo là nhà và quyền sử dụng đất của thửa đất phường B, thành phố V, tỉnh Nghệ An được UBND thành phố V cấp GCNQSDĐ số AL 960817 ngày 26/9/2008 mang tên ông Hồ Trung C và bà Phan Thị H theo Hợp đồng thế chấp bất động sản số 01/2014/1516377/HĐBĐ ngày 10/11/2014 được công chứng tại phòng công chứng BTB, thành phố V, tỉnh Nghệ An

2. *Ý kiến của bà Phan Thị H, anh Hồ Trung D, chị Hồ Thị KH và cụ Hồ Trung Ch khi còn sống (bố của ông Hồ Trung C).*

- Quá trình giải quyết vụ án ở Tòa án cấp sơ thẩm, bà Phan Thị H, anh Hồ Trung D và chị Hồ Thị KH vắng mặt nên chưa có ý kiến gì.

- Ý kiến cụ Hồ Trung Ch khi còn sống: Ông C chết, tài sản của ông C đều do bà H và các con ông C và bà H quản lý, sử dụng; cụ Ch không biết có những tài sản gì; Ngân hàng khởi kiện yêu cầu những người thuộc hàng thừa kế của ông C thanh toán khoản vay thì cụ Ch không liên quan và không đồng ý trả nợ vì cụ Ch không sử dụng số tiền vay đó; sau khi nhận giấy báo của Tòa án gia đình đã họp lại và thống nhất đề nghị Ngân hàng yêu cầu bà H và các con ông C, và bà H có trách nhiệm trả nợ.

Với nội dung trên, Bản án dân sự sơ thẩm số 34/2021/DS-ST ngày 30 tháng 9 năm 2021 của Tòa án nhân dân thành phố V, tỉnh Nghệ An đã quyết định:

Căn cứ khoản 3 Điều 26; Điều 147; khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 471, 474, 342, 343, 355; khoản 2 Điều 305, điều 715, 716, 717, 718, 719, 721 Bộ luật dân sự năm 2005; Điều 91; 95 Luật tổ chức các tín dụng; Nghị định số 11/2012 ngày 22/02/2012 của Chính phủ về giao dịch bảo đảm; khoản 2 Điều 26 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016. Xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng A.

Buộc bà Phan Thị H, chị Hồ Thị KH, anh Hồ Trung D (bà H, chị KH, anh D chỉ phải trả nợ trong phạm vi di sản của ông Hồ Trung C để lại) phải trả cho Ngân hàng A số tiền tính đến ngày 30/9/2021 là 247.459.030 đồng trong đó nợ gốc 144.222.644 đồng, nợ lãi trong hạn 92.207.743 đồng; nợ lãi quá hạn 11.028.643 đồng.

Trong trường hợp bà Phan Thị H, chị Hồ Thị KH, anh Hồ Trung D không trả nợ hoặc trả không đủ số tiền nợ gốc và nợ lãi theo hợp đồng tín dụng số 01/2014/1516377/HĐ ngày 13/11/2014 thì Ngân hàng thương mại đầu tư và phát triển Việt Nam có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự xử lý tài sản thế chấp theo hợp đồng thế chấp bất động sản số 01/2014/1516377/HĐBĐ ngày 10/11/2014 là quyền sử dụng đất tại phường B, thành phố V, tỉnh Nghệ An được UBND thành phố V, tỉnh Nghệ An cấp GCNQSDĐ đất số AL 960817, số vào sổ GCN: H 0596/số 3741. QĐ-UBND/2008 ngày 26/9/2008 mang tên Hồ Trung C - Phan Thị H để thu hồi số tiền nợ gốc và nợ lãi.

Đối với 01 ngôi nhà và tài sản gắn liền với đất được xử lý theo Luật thi hành án dân sự 2009 được sửa đổi bổ sung năm 2014.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về nghĩa vụ chịu án phí; nghĩa vụ chịu chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ; lãi suất do chậm thi hành án; quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án, thời hiệu thi hành án và quyền kháng cáo của các đương sự trong vụ án.

Ngày 30/11/2021, bà H kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, với lý do:

- Bà H không nhận được quyết định đưa vụ án ra xét xử; Tòa án cấp sơ thẩm cố tình xét xử vắng mặt bà H dẫn đến việc xét xử vụ án không bảo đảm được quyền và lợi ích hợp pháp cho bà H.

- Ông C vay tiền tại Ngân hàng A thì được bà Đồng Thị TM tư vấn mua gói bảo hiểm B, nếu rủi ro chết người không có khả năng trả nợ thì bảo hiểm của ngân hàng sẽ thanh toán số tiền vay cho ông C; Vì vậy, số tiền vay còn lại sau khi ông C chết bảo hiểm phải thanh toán; ngoài ra có khoản vay 100.000.000 đồng đã mua gói bảo hiểm B với số tiền 682.000 đồng và đã thanh toán nhưng không được bảo hiểm chi trả theo quy định.

Ngày 27/9/2022, bà H có đơn kháng cáo bổ sung như sau:

- Tòa án buộc bà H và người thừa kế quyền và nghĩa vụ của ông C nộp án phí dân sự sơ thẩm là không đúng quy định.

- Đề nghị triệu tập bà Đồng Thị TM là người môi giới, trực tiếp tư vấn và bán bảo hiểm B cho ông C; ông Hoàng Khánh Ma là người giải quyết tranh chấp nợ với bà H.

- Ngân hàng đã ép khách hàng mua bảo hiểm mới cho vay tiền; Tổng công ty C là Công ty con của Ngân hàng A nên ngân hàng phải có trách nhiệm với khoản vay của ông C.

- Việc mua bảo hiểm phải có hợp đồng bảo hiểm, tuy nhiên Tổng công ty C chỉ cung cấp cho ông C giấy bảo hiểm B.

- Theo Điều 4 của Quy tắc bảo hiểm người vay vốn dành cho cá nhân và thông tin công khai trên trang Bảo hiểm điện tử thì Tổng công ty C phải thanh toán toàn bộ số tiền vay còn lại cho gia đình bà H.

Tại phiên tòa bà H giữ nguyên nội dung kháng cáo và bổ sung nội dung yêu cầu Ngân hàng A và Tổng công ty C phải có trách nhiệm thanh toán cho bà H toàn bộ số tiền nợ còn lại của ông C với Ngân hàng A và xóa nợ cho gia đình bà H.

Người đại diện theo ủy quyền của bà H đề nghị Ngân hàng A và Tổng công ty C xóa nợ cho gia đình bà H đối với khoản tiền nợ còn lại của ông C tại Ngân hàng A.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan chị Hồ Thị KH đồng ý với ý kiến của bà Phan Thị H.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nghệ An: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận một phần kháng cáo của bà Phan Thị H: Căn cứ khoản 3 Điều 308, Điều 310 Bộ luật tố tụng dân sự: Hủy bản án sơ thẩm, giao hồ sơ cho Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại theo thủ tục chung.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát và các đương sự có mặt tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Người kháng cáo, nội dung và hình thức đơn kháng cáo, thời hạn kháng cáo đúng quy định tại các Điều 271, 272, 273 Bộ luật tố tụng dân sự nên được chấp nhận xem xét theo trình tự phúc thẩm.

Tại phiên tòa vắng mặt anh Hồ Trung D nhưng đã được Tòa án triệu tập hợp lệ. Vì vậy, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt anh Hồ Trung D.

[1.2] Về xác định quan hệ tranh chấp và người tham gia tố tụng:

Ông C là chủ thể ký kết hợp đồng tín dụng với Ngân hàng A và đã chết nên hợp đồng tín dụng chấm dứt hiệu lực; bà H, anh D, chị KH (con ông C, bà H) là người thuộc hàng thừa kế thứ nhất của ông C nên có nghĩa vụ thực hiện nghĩa vụ tài sản do ông C chết để lại; nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bà H và những người thừa kế của ông C thanh toán khoản nợ còn lại của ông C vay tại Ngân hàng A. Bản án sơ thẩm xác định quan hệ tranh chấp là “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” là không đúng. Tòa án cấp phúc thẩm xác định quan hệ tranh chấp là “Tranh chấp yêu cầu thực hiện nghĩa vụ tài sản do người chết để lại” quy định tại Điều 615 Bộ luật dân sự năm 2015.

Ông Hồ Trung C chết ngày 07/02/2017; ông C chết trước khi Ngân hàng A khởi kiện; Tòa án cấp sơ thẩm xác định ông Hồ Trung C là bị đơn trong vụ án là không đúng.

Theo quy định tại Điều 651 Bộ luật dân sự năm 2015 thì bố mẹ ông C thuộc diện thừa kế được hưởng thừa kế của ông C; cụ Hồ Thị N (mẹ ông C, chết năm 2018), bản án sơ thẩm xác định các con gồm bà Hồ Thị N, Hồ Thị D, Hồ Thị Th, Hồ Thị T, Hồ Trung Ch1, Hồ Thị L, Hồ Trung Đ là người thừa kế quyền nghĩa vụ tố tụng của cụ N và đưa họ vào tham tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án là không đúng.

Đại diện Ngân hàng A trình bày tại thời điểm ký hợp đồng tín dụng ông C mua gói bảo hiểm B của Tổng công ty C; sau khi ông C chết, Tổng công ty C đã thực hiện nghĩa vụ thay ông C thanh toán số tiền 102.091.543 đồng của khoản vay nhưng Tòa án cấp sơ thẩm không đưa Tổng công ty C tham gia tố tụng với tư cách người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là chưa đầy đủ.

[1.3] Về thời hiệu khởi kiện:

Ngày 13/11/2014, ông C ký Hợp đồng tín dụng với Ngân hàng A vay số tiền 400.000.000 đồng; thời hạn vay 60 tháng; ngày 07/02/2017, ông C chết nên theo quy định tại khoản 3 Điều 422 Bộ luật dân sự năm 2015 hợp đồng tín dụng chấm dứt; theo quy định tại Điều 623 Bộ luật dân sự năm 2015 thì thời hiệu khởi kiện yêu cầu người thừa kế thực hiện nghĩa vụ về tài sản của người chết để lại là 3 năm kể từ thời điểm ông C chết; ngày 23/12/2019, Ngân hàng A khởi kiện là trong thời hạn nên Tòa án cấp sơ thẩm thụ lý, giải quyết là đúng quy định.

[2] Xét các nội dung kháng cáo của bà H, Hội đồng xét xử xét thấy:

[2.1] Đối với nội dung kháng cáo Tòa án cấp sơ thẩm tổng đạt các văn bản tố tụng không đúng quy định, ảnh hưởng đến quyền lợi của bà H:

Tài liệu có tại hồ sơ thể hiện ngày 14/01/2020, Tòa án cấp sơ thẩm ra thông báo thụ lý vụ án số 14/2020/TB-TLVA và bà H nhận ngày 13/2/2020; đến ngày 06/3/2020, Tòa án tổ chức phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, bà H đã nhận thông báo vào ngày 29/2/2020 nhưng vắng mặt; các lần hòa giải vào ngày 12/5/2022, ngày 08/01/2021, ngày 20/4/2021, ngày 07/5/2021 bà H đều vắng mặt nên không tiến hành hòa giải được; Tòa án cấp sơ thẩm mở phiên tòa sơ thẩm 05 lần vào các ngày 11/6/2021, ngày 29/6/2021, ngày 28/7/2021, ngày 26/8/2021 và ngày 30/9/2021; trong 05 lần mở phiên tòa thì phiên tòa ngày 28/7/2021 do bà H có đơn xin hoãn phiên tòa.

Tòa án cấp sơ thẩm xác minh sự vắng mặt của bà H tại nơi cư trú thì được ông Phạm Kim Th - Khối trưởng và ông Phạm Văn Th - Cảnh sát khu vực cung cấp: Bà H và các con thường xuyên vắng mặt, thỉnh thoảng về nhà vào thứ bảy, chủ nhật (Biên bản xác minh ngày 30/3/2021 và ngày 01/4/2021).

Tại phiên tòa phúc thẩm, bà H trình bày hiện nay đang công tác tại Trường THCS TH, hàng tuần thứ 2 bà H lên trường thứ sáu về và có tuần không phải lên đủ 5 ngày làm việc; bà H cung cấp văn bản có ý kiến xác nhận của ông Phạm Kim Th - Khối trưởng có nội dung Tòa án cấp sơ thẩm không niêm yết các văn bản tại nhà bà H và nhà văn hóa khối 14.

Theo quy định tại khoản 5 Điều 177 Bộ luật tố tụng dân sự thì bà H không thuộc trường hợp vắng mặt ở nơi cư trú mà không rõ thời điểm trở về, lẽ ra Tòa án cấp sơ thẩm phải giao văn bản tố tụng cho tổ trưởng tổ dân phố để thực hiện việc ký nhận và yêu cầu họ cam kết giao lại tận tay cho bà H nhưng lại thực hiện việc niêm yết các văn bản tố tụng là chưa đúng quy định.

Xét thấy, bà H đã nhận được thông báo thụ lý vụ án, biết vụ án đưa ra xét xử nên đã có đơn xin hoãn phiên tòa ngày 28/7/2021; bà H cũng đã nhiều lần gặp Thẩm phán để trình bày nội dung vụ việc và đã biết được Ngân hàng A khởi kiện tại Tòa án nhưng không có ý kiến gì; sau khi xét xử sơ thẩm bà H đã nhận được bản án sơ thẩm và thực hiện quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật. Tại phiên tòa phúc thẩm bà H có mặt để trình bày ý kiến và được Tòa án cấp phúc thẩm chấp nhận xem xét, giải quyết.

[2.2] Đối với nội dung kháng cáo Tòa án cấp sơ thẩm không triệu tập bà Đồng Thị TM và ông Hoàng Khánh M và yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm triệu tập bà MH, ông M tham gia phiên tòa. Theo đơn trình bày của bà H thì bà MH là người môi giới, trực tiếp tư vấn và người bán bảo hiểm B cho ông C; ông M là người gặp bà H giải quyết nợ với bà H. Xét thấy bà MH và ông M không liên quan đến việc giải quyết vụ án nên Tòa án cấp sơ thẩm và Tòa án cấp phúc thẩm không triệu tập bà MH, ông M tham gia tố tụng.

[2.3] Đối với nội dung kháng cáo khoản vay 400.000.000 đồng tại Ngân hàng A đã được mua bảo hiểm nên số tiền còn lại của hợp đồng tín dụng sau khi ông C chết, Tổng công ty C phải chi trả:

Ngày 13/11/2014, ông Hồ Trung C ký Hợp đồng tín dụng số với Ngân hàng A vay 400.000.000 đồng; thời hạn vay: 60 tháng và tham gia gói bảo hiểm của Tổng công ty C với số tiền 1.383.115 đồng để bảo hiểm cho khoản vay này; ông C được cấp giấy chứng nhận bảo hiểm số 331474445 ngày 13/11/2014; quá trình thực hiện hợp đồng, ông C đã thanh toán cho Ngân hàng A tiền gốc 155.777.356 đồng và tiền lãi theo quy định; số tiền còn nợ là 244.222.644 đồng.

Ngày 07/02/2017, ông C chết vì bệnh hiểm nghèo; sau khi ông C chết, Ngân hàng A đã yêu cầu Tổng công ty C thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho ông C. Tổng công ty C đã chi trả số tiền 102.091.543 đồng để thực hiện một phần nghĩa vụ cho ông C tại Ngân hàng A. Theo bảng kê chi tiết của Ngân hàng A cung cấp cho Tòa án thì số tiền 102.091.543 đồng do Tổng công ty C trả thay cho ông C được ghi là tiền gốc, vì vậy, ông C còn nợ Ngân hàng A số tiền gốc là 142.131.101 đồng.

Tại phiên tòa phúc thẩm bà H thừa nhận ông C ký hợp đồng tín dụng số 01/2014/1516377/HĐ ngày 13/11/2014 với Ngân hàng A và bà H, ông C ký Hợp đồng thế chấp bất động sản số 01/2014/1516377/HĐBĐ ngày 10/11/2014 đúng như đại diện Ngân hàng A trình bày và không có ý kiến khiếu nại gì. Tuy nhiên, bà H cho rằng tại thời điểm ký hợp đồng tín dụng ông C đã tham gia gói bảo hiểm B của Tổng công ty C với số tiền 1.383.115 đồng cho số tiền vay 400.000.000 đồng; đến thời điểm ông C chết đã trả được 155.777.356 đồng tiền gốc và tiền lãi theo quy định; ông C đã mua bảo hiểm số tiền vay này nên Tổng công ty C phải thanh toán toàn bộ tiền nợ còn lại của ông C cho ngân hàng, bà H và các con của bà H không có nghĩa vụ phải trả cho ngân hàng.

Đại diện Tổng công ty C thừa nhận ông C đã tham gia gói bảo hiểm tiền vay B như Ngân hàng A và bà H trình bày và ông C được cấp Giấy chứng nhận bảo hiểm số 331474445 ngày 13/11/2014; theo Điều 14 Luật kinh doanh bảo hiểm năm 2000 (sửa đổi bổ sung năm 2010) về hình thức hợp đồng bảo hiểm thì Giấy chứng nhận bảo hiểm là một hình thức của hợp đồng nên Tổng công ty C không C cấp hợp đồng bảo hiểm cho ông C. Căn cứ vào Quy tắc bảo hiểm người vay vốn dành cho cá nhân của Tổng giám đốc Tổng công ty C và Luật kinh doanh bảo hiểm năm 2000 (sửa đổi bổ sung năm 2010) thì trường hợp rủi ro chết do bệnh hiểm nghèo được Tổng công ty C chi trả không quá 100.000.000 đồng và tiền mai táng phí 1.000.000 đồng; sau khi ông C chết, Tổng công ty C đã yêu cầu Ngân hàng A và

gia đình bà H làm các thủ tục chi trả bảo hiểm và đã trả số tiền bảo hiểm theo quy định là 102.091.543 đồng cho Ngân hàng A để thực hiện nghĩa vụ trả nợ thay cho ông C; việc chi trả tiền bảo hiểm cho ông C đã được Tổng công ty C đã trả lời cho bà H biết; bà H yêu cầu Tổng công ty C trả toàn bộ số tiền còn lại của ông C còn nợ Ngân hàng A thì Tổng công ty C không đồng ý.

Như vậy, hợp đồng tín dụng ngày 13/11/2014 được ký kết giữa ông C với Ngân hàng A trên cơ sở tự nguyện, phù hợp với pháp luật nên có hiệu lực thi hành; ông C đã trả được tiền gốc 155.777.356 đồng và tiền lãi theo quy định; Tổng công ty C đã chi trả quyền lợi bảo hiểm cho ông C số tiền 102.091.543 đồng. Vì vậy, số tiền ông C còn nợ Ngân hàng A là 142.131.101 đồng. Bản án sơ thẩm chấp nhận Tổng công ty C thực hiện nghĩa vụ trả nợ thay của ông C cho Ngân hàng A số tiền 102.091.543 đồng là có căn cứ, tuy nhiên, quyết định chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là chưa đúng quy định.

Hợp đồng thế chấp bất động sản số 01/2014/1516377/HĐBĐ ngày 10/11/2014 giữa ông C, bà H với Ngân hàng A có hiệu lực thi hành. Tài sản thế chấp là thửa đất phường B, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An được UBND thành phố V cấp GCNQSDĐ số AL 960817 ngày 26/9/2008 mang tên ông C và bà H là tài sản chung của bà H, ông C và hiện nay đang do bà H quản lý, sử dụng. Vì vậy, Tòa án cấp sơ thẩm quyết định khi bà H và các con của Hương không trả nợ hoặc trả nợ không đủ thì ngân hàng có quyền yêu cầu xử lý tài sản thế chấp là đúng quy định.

Đối với yêu cầu của bà H buộc Tổng công ty C trả số tiền nợ còn lại của ông C tại Ngân hàng A. Xét thấy như đã phân tích ở trên, số tiền nợ còn lại của ông C tại Ngân hàng A theo hợp đồng tín dụng là 142.131.101 đồng; quá trình giải quyết vụ án tại cấp sơ thẩm, bà H đã nhận được thông báo thụ lý vụ án, biết được Ngân hàng A khởi kiện tại Tòa án nhưng bà H không có ý kiến gì nên Tòa án cấp sơ thẩm chưa xem xét giải quyết; tại phiên tòa phúc thẩm đại diện Tổng công ty C không đồng ý chi trả số tiền này cho bà H. Vì vậy, Tòa án cấp phúc thẩm không có căn cứ để xem xét, giải quyết đối với yêu cầu này của bà H; về quyền lợi bảo hiểm của số tiền vay 100.000.000 đồng đã thanh toán vào ngày 06/01/2016, do ông C đã thanh toán xong trước khi chết nên Tòa án cấp sơ thẩm không xem xét, giải quyết là đúng. Các nội dung này bà Phan Thị H có quyền khiếu nại Tổng công ty C để được giải quyết hoặc khởi kiện bằng vụ án khác khi có yêu cầu.

[3] Đối với nội dung kháng cáo tiền lãi suất:

Theo quy định tại khoản 3 Điều 422 Bộ luật dân sự năm 2015 “Hợp đồng chấm dứt trong trường hợp sau đây: Cá nhân giao kết hợp đồng chết... mà hợp đồng do chính cá nhân đó thực hiện”. Ông C chết ngày 07/02/2017 nên hợp đồng tín dụng giữa ông C với Ngân hàng A chấm dứt. Do hợp đồng tín dụng chấm dứt nên tiền lãi chỉ được tính đến ngày 07/02/2017; tại phiên tòa đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn không yêu cầu tính tiền lãi suất; Bản án sơ thẩm buộc bà H, anh D, chị KH phải chịu tiền lãi suất là chưa đúng.

[4] Đối với nội dung kháng cáo về tiền án phí:

Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án không quy định việc thực hiện nghĩa vụ tài sản do người chết để lại các đồng thừa kế hay người để lại nghĩa vụ tài sản phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Tòa án cấp sơ thẩm buộc bà Phan Thị H, anh Hồ Trung D, chị Hồ Thị Huyền phải chịu án phải chịu 12.372.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm là không đúng quy định, cần rút kinh nghiệm.

Như vậy, ông C chết nên khoản tiền vay tại Ngân hàng A mà ông C chưa thanh toán là nghĩa vụ về tài sản do ông C chết để lại nên theo quy định tại khoản 1 Điều 615 Bộ luật dân sự năm 2015 thì những người thừa kế thuộc hàng thừa kế thứ nhất của ông C có trách nhiệm thực hiện nghĩa vụ tài sản trong phạm vi tài sản của ông C để lại. Tài sản của ông C và bà H là thửa đất tại phường B, thành phố V, tỉnh Nghệ An đã được cấp GCNQSDĐ mang tên ông Hồ Trung C, bà Phan Thị H đang được thế chấp tại Ngân hàng A và đang do bà H quản lý, sử dụng; theo Ngân hàng A định giá tại thời điểm thế chấp là 1.937.640.000 đồng. Nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng A của ông C là 142.131.101 đồng chưa vượt quá tài sản của ông C để lại.

Ông Hồ Trung C có vợ là bà Phan Thị H và các con anh Hồ Trung D, chị Hồ Thị KH; bố mẹ là cụ Hồ Trung Ch và cụ Hồ Thị N (cụ N chết năm 2018); trong quá trình giải quyết vụ án ở cấp phúc thẩm cụ Ch chết nên vợ, con ông C là người có trách nhiệm thực hiện nghĩa vụ của ông C trong phạm vi tài sản do ông C để lại.

Từ sự phân tích trên có căn cứ chấp nhận một phần kháng cáo của bà Phan Thị H; sửa bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử hủy bản án sơ thẩm giao hồ sơ cho Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại theo thủ tục chung là không cần thiết.

[5] Về án phí dân sự phúc thẩm: Kháng cáo của bà Phan Thị H được chấp nhận một phần nên không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

[6] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 148; khoản 2 Điều 308; Điều 309 Bộ luật tố tụng dân sự: Chấp nhận một phần kháng cáo của bà Phan Thị H; sửa bản án sơ thẩm.

Áp dụng Điều 322, Điều 323, Điều 342, Điều 343, Điều 355, Điều 471, Điều 474, Điều 715, Điều 716; Điều 721 Bộ luật dân sự năm 2005; Điều 422; Điều 615; Điều 651 Bộ luật dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, xử:

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng A.

Buộc bà Phan Thị H, anh Hồ Trung D và chị Hồ Thị KH phải trả cho Ngân hàng A số tiền nợ 142.131.101 đồng (bà Phan Thị H, anh Hồ Trung D và chị Hồ Thị KH chỉ phải trả nợ trong phạm vi tài sản của ông Hồ Trung C để lại).

Trong trường hợp bà Phan Thị H, anh Hồ Trung D và chị Hồ Thị KH không trả nợ hoặc trả không đủ số tiền nợ 142.131.101 đồng theo hợp đồng tín dụng số 01/2014/1516377/HĐ ngày 13/11/2014 thì Ngân hàng A có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự xử lý tài sản thế chấp theo hợp đồng thế chấp bất động sản số 01/2014/1516377/HĐBĐ ngày 10/11/2014 là quyền sử dụng đất thửa đất tại phường B, thành phố V, tỉnh Nghệ An được Ủy ban nhân dân thành phố V, tỉnh Nghệ An cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AL 960817 ngày 26/9/2008 mang tên ông Hồ Trung C và bà Phan Thị H để thu hồi số tiền nợ 142.131.101 đồng.

Đối với 01 ngôi nhà và tài sản gắn liền với đất được xử lý theo Luật thi hành án dân sự 2009, được sửa đổi bổ sung năm 2014.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Phan Thị H, anh Hồ Trung D và chị Hồ Thị KH không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm; bà Phan Thị H không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. Trả lại cho bà Phan Thị H số tiền 300.000 đồng đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố V, tỉnh Nghệ An theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0009722 ngày 13/12/2021.

4. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

5. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Nghệ An;
- TAND TP V;
- Chi cục THADSTP V;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Hoàng Ngọc Anh

